

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B2
(Đợt thi ngày 23,24,25,26 tháng 11 năm 2021)

STT	SBD	Mã Sinh Viên	Họ	Tên	Năm sinh	LỚP	Nghe (thang điểm 20)	Nói (thang điểm 25)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA0183	1781110204	Nguyễn Tuấn	Anh	03/05/1999	CLC.D12H	16,5	17,0	28,0	7,0	68,5	
2	TA0184	1781110205	Hà Văn	Cường	03/01/1999	CLC.D12H	20,0	16,0	17,5	19,0	72,5	
3	TA0185	1581110002	Nguyễn Đức	Anh	27/11/1997	CLC.D10.H1	19,5	23,0	28,0	17,0	87,5	
4	TA0187	1681210123	Nguyễn Thu	Huyền	26/04/1998	D11-KTDN-CLC	20,0	22,0	28,0	18,0	88,0	
5	TA0188	1581820004	Hoàng Thị Thuý	Dung	24/08/1996	CLC.D10TCDN	19,5	23,0	24,0	21,0	87,5	
6	TA0189	1781640008	Bùi Mạnh	Dũng	20/05/1999	D12.H.CLC	20,0	22,0	28,0	8,0	78,0	
7	TA0190	1581810003	Trần Minh	Anh	10/10/1997	D10-KTDN-CLC	20,0	20,0	27,0	8,0	75,0	
8	TA0191	1581420021	Phạm Quốc	Hung	01/07/1997	CLC.D10.DCN&DD	20,0	21,0	20,0	1,0	62,0	
9	TA0192	1681420039	Hoàng Văn	Tiến	23/06/1998	D11-DCN-CLC	20,0	23,0	26,0	18,0	87,0	
10	TA0193	1681810009	Phan Thị	Hoà	23/11/1998	D11 KTDN CLC	20,0	22,0	29,0	13,0	84,0	
11	TA0194	1681420014	Trịnh Ngô Hoàng	Hải	04/11/1998	D11.DCN.CLC	19,5	21,0	20,0	0,0	60,5	
12	TA0195	1581910015	Phạm Ngọc	Hiếu	16/05/1995	CLC.D10H2	15,5	20,0	23,0	8,0	66,5	
13	TA0197	1681110014	Nguyễn Văn	Luận	24/11/1998	CLC.D11.H	20,0	21,0	29,0	18,0	88,0	
14	TA0198	1681210129	Bùi Bình	Minh	26/11/1998	CLC.D11.H	20,0	22,0	27,5	18,0	87,5	
15	TA0199	1681110025	Lý Trần	Thiên	31/08/1998	CLC.D11.H	20,0	24,0	23,5	22,0	89,5	
16	TA0200	1681110024	Nguyễn Phương	Thảo	27/09/1998	CLC D11 HTD	20,0	22,0	27,5	16,0	85,5	
17	TA0201	1681110011	Nguyễn Vũ	Khiêm	18/11/1998	CLC.D11H1	20,0	24,0	27,0	19,0	90,0	
18	TA0202	1681210158	Giáp Thị	Vân	25/03/1998	D11H1CLC	19,5	23,0	19,0	10,0	71,5	

STT	SBD	Mã Sinh Viên	Họ	Tên	Năm sinh	LỚP	Nghe (thang điểm 20)	Nói (thang điểm 25)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
19	TA0204	1581410031	Đỗ Anh	Tài	18/03/1997	D10-CNTD-CLC	16,0	24,0	24,0	20,0	84,0	
20	TA0205	1581210035	Bùi Thảo	Vân	09/01/1997	D10-QLNL-CLC	Vắng thi	Vắng thi	20,0	Vắng thi	Vắng thi	
21	TA0206	1781620003	Lê Việt	Anh	31/03/1999	D12H.CLC	20,0	22,0	23,5	16,0	81,5	
22	TA0207	1581110040	Trần Minh	Tâm	20/02/1997	CLC.D10H1	14,0	24,0	23,5	21,0	82,5	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 22 thí sinh

Điều kiện để được công nhận Năng lực Tiếng Anh tương đương B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

1, Tổng điểm đạt: 60/100

2, Kỹ năng đọc tối thiểu 10/30, Kỹ năng nghe tối thiểu 7/20, Kỹ năng viết tối thiểu 8/25, Kỹ năng nói tối thiểu 8/25